TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **47**/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 24-4-2026
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

***

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Nguyễn Thi Thi
- Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình
  Bà Huỳnh Thị Lệ
- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Trần Thị Thùy Trang - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Phương Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 04 năm 2026, tại Hội trường xét xử, Toà án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 18/2026/TLST-HNGĐ ngày 13/01/2026, về việc "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 03 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2026/QĐST-HNGĐ ngày 07/4/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1983; Nơi cư trú: E T, tổ A phường H, TP Đà Nẵng. Có mặt.
- Bị đơn: Ông Phan Văn T1, sinh năm 1982; Nơi cư trú: D N, tổ A phường H, TP Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện gởi đến Tòa án, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy T trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thùy T và ông Phan Văn T1 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân T3, quận T, nay là phường T, TP . vào năm 2004, hôn nhân tự nguyện. Sau thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, bất đồng quan điểm sâu sắc, vợ chồng không có sự chia sẻ, thấu hiểu và đồng cảm với nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà T lafdo ông T1 ham mê cờ bạc, bà nhiều lần khuyên bảo nhưng không thành. Hiện tại cả hai đã sống ly thân, mặc dù cả hai bên cùng gia đình đã cố gắng hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng.

Nay nhận thấy cuộc hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, bà T đã không còn tình cảm với chồng, do đó đề nghị Tòa án giải quyết cho bà Nguyễn Thị Thùy T được ly hôn với ông Phan Văn Tam .

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thùy T xác định bà và ông Phan Văn T1 có 02 con chung là Phan Thùy Quỳnh T2, sinh ngày 11/8/2012 và Phan Thùy Ngọc A, sinh ngày 29/9/2021. Ly hôn bà T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Không yêu cầu ông Phan Văn T1 phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thùy T xác định bà và ông Phan Văn T1 không có.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thùy T xác định bà và ông Phan Văn T1 không có.

**** Bị đơn – ông Phan Văn T1 mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có ý kiến gì và không có mặt tại phiên họp và hòa giải cũng như các phiên tòa. Đương sự không yêu cầu Tòa án thu thập tài liệu, chứng cứ; Không yêu cầu Tòa án triệu tập ai.***

* Qua xác minh tại địa phương thể hiện: Qúa trình chung sống hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, tuy nhiên nguyên nhân xuất phát từ đâu thì địa phương không nắm rõ. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân. Vợ chồng có 02 con chung là Phan Thùy Quỳnh T2, sinh ngày 11/8/2012 và Phan Thùy Ngọc A, sinh ngày 29/9/2021. Hiện nay 02 con chung đang sống cùng bà T

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, việc giải quyết vụ án được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo cho các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 71, 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Phan Văn T1 vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, do đó đề nghị HĐXX xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

- Về quan điểm đối với việc giải quyết vụ án:

Đối với yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Thùy T: Đối với yêu cầu xin ly hôn của bà T đối với ông Phan Văn T1 đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận; Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thùy T xác định bà và ông Phan Văn T1 có 02 con chung là Phan Thùy Quỳnh T2, sinh ngày 11/8/2012 và Phan Thùy Ngọc A, sinh ngày 29/9/2021. Ly hôn bà T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Không yêu cầu ông Phan Văn T1 phải cấp dưỡng nuôi con. Xét điều kiện về thời gian, hoàn cảnh gia đình, nguyện vọng của con chung cũng như sự tự nguyện của bà T, ông Phan Văn T1 cũng không có ý kiến gì nên đề nghị HĐXX căn cứ Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của bà T, giao cả 02 con chung cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi; Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thùy T xác định vợ chồng không có và ông Phan Văn T1 không có ý kiến gì nên đề nghị HĐXX không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiêntòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án tranh chấp ly hôn, bị đơn ông Phan Văn T1 có cư trú tại D N, tổ A phường H, TP Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thùy T và ông Phan Văn T1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình vợ chồng chung sống có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà T trình bày là do bất đồng quan điểm sống, ông T1 ham mê cờ bạc, không quan tâm chăm sóc gia đình, vợ chồng không còn tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vả, hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà hôm nay, ông T1 vắng mặt nhiều lần không có lý do, không ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà T. Điều này cho thấy ông T1 cũng không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Qua xác minh tại địa phương được biết mâu thuẫn của vợ chồng là có thật. Xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung thực tế đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Thùy T đối với ông Phan Văn Tam .

[2.2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thùy T xác định bà và ông Phan Văn T1 có 02 con chung là Phan Thùy Quỳnh T2, sinh ngày 11/8/2012 và Phan Thùy Ngọc A, sinh ngày 29/9/2021. Ly hôn bà T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Không yêu cầu ông Phan Văn T1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét đây là sự tự nguyện của bà T, ông T1 hoàn toàn không có ý kiến gì. Qua tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì bà T hiện có công việc thu nhập ổn định, con chung cũng có nguyện vọng được ở với mẹ và trên thực tế từ trước đến nay cũng sống cùng mẹ. Do đó căn cứ các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, cần giao 02 con chung là Phan Thùy Quỳnh T2, sinh ngày 11/8/2012 và Phan Thùy Ngọc A, sinh ngày 29/9/2021 cho bà Nguyễn Thị Thùy T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con trưởng thành, đủ 18 tuổi là phù hợp. Ông Phan Văn T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thùy T xác định vợ chồng không có, ông Phan Văn T1 không có ý kiến trình bày, do đó HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thùy T xác định vợ chồng không có, ông Phan Văn T1 không có ý kiến trình bày, do đó HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Đối với ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng thấy phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng, bà Nguyễn Thị Thùy T phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 271 và khoản 1 điều 273, của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn, nuôi con chung" của bà Nguyễn Thị Thùy T đối với ông Phan Văn Tam .

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thùy T được ly hôn với ông Phan Văn Tam .

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 136 ngày 08/12/2004 của Ủy ban nhân dân T3, quận T, nay là phường T, TP . không còn giá trị kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về quan hệ con chung: Giao 02 con chung là Phan Thùy Quỳnh T2, sinh ngày 11/8/2012 và Phan Thùy Ngọc A, sinh ngày 29/9/2021 cho bà Nguyễn Thị Thùy T trực

tiếp nuôi dưỡng đến khi các con trưởng thành, đủ 18 tuổi. Ông Phan Văn T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thùy T xác định bà và ông Phan Văn T1 không có, HĐXX không giải quyết

4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thùy T xác định bà và ông Phan Văn T1 không có, HĐXX không giải quyết.

5. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thùy T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000300 ngày 12/01/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 4 - ĐN;
- Phòng THADS khu vực 4 - ĐN;
- UBND X,Phú Ninh;
- Hồ sơ vụ án.

Trần Nguyễn Thi Thi